

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2022

*V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Khôi
2. Ông Phạm Văn Nhơn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thạch Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh L.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh L tham gia phiên tòa:** Ông Kim Quang Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1981. “vắng mặt”.

2. **Bị đơn:** Chị Tăng Thị N, sinh năm 1996. “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh L.

3. **Người làm chứng:** Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1960 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã N, huyện Z, tỉnh Vĩnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 29/3/2022, đơn yêu cầu sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng L trình bày: Giữa anh và chị Tăng Thị N thành hôn năm 2018, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện D, tỉnh Vĩnh L ngày 05/01/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hai Bn nghi kỵ lẫn nhau về mọi mặt, từ kinh tế, giao tiếp, lối sống, quan hệ tình cảm.

Nay anh xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên anh yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Quốc M, sinh ngày 16/5/2017, hiện tại đang sống với chị N, anh đồng ý giao chị N tiếp tục nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của anh L, Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn chị Tăng Thị Nvắng mặt, nguyên đơn anh L có văn bản đề nghị vắng mặt tham gia tố tụng nên không mở được phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

Người làm chứng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện T phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, 19, 56, 81, 82, 83, 84, 110, và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho anh Nguyễn Hoàng L được ly hôn với chị Tăng Thị N.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quốc M, sinh ngày 16/5/2017 cho chị N nuôi, anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Hoàng L nộp 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: anh Nguyễn Hoàng L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Tăng Thị N, địa chỉ: ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Vĩnh L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Vĩnh L thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn chị Tăng Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Hoàng L và chị Tăng Thị N kết hôn vào ngày 05/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh L theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, anh chị kết hôn cũng đảm M các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh Nguyễn Hoàng L cho rằng, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung, hai Bn nghi kỵ lẫn nhau về mọi mặt, từ kinh tế, giao tiếp, lối sống, quan hệ tình cảm. Xét lời trình bày của anh L cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng mà Tòa án thu thập được. Anh L hiện tại xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh L và chị N có một con chung tên Nguyễn Quốc M, sinh ngày 16/5/2017 hiện chị N đang nuôi, anh L đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy cháu M từ nhỏ sống Bn chị N, cuộc sống đảm M do vậy tiếp tục giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi nên ghi nhận sự tự nguyện của anh L.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh L nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định điểm a khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng L.

##### **1. Về hôn nhân:**

Xử cho anh Nguyễn Hoàng L được ly hôn với chị Tăng Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quốc M, sinh ngày 16/5/2017 cho chị Tăng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hoàng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong nếu anh L không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì anh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015

##### **3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Anh Nguyễn Hoàng L có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0014442 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh L. Anh L phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
ĐÃ KÝ**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện P;
- UBND xã Q;
- (GCN kết hôn số 03 ngày 05/01/2018)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hồ Hoàng Phong**